

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 01

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050001	PHẠM THẾ ANH	12/08/2001	CCQ1905A				8,5	6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2117050079	NGUYỄN VĂN CẢNH	15/10/1998	CCQ1705B				9,3	8,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120060005	PHAN THANH DŨ	08/12/2002	CCQ2006A				9,3	8,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120060038	LƯƠNG TIẾN ĐẠT	26/02/2002	CCQ2006B				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120170076	HUỖNH DUY ĐỨC	10/08/2002	CCQ2006B				8,5	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120060006	NGUYỄN VĂN ĐỨC	23/08/2001	CCQ2006A				0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120060007	PHAN VẠN HẬU	16/09/2002	CCQ2006A				6,8	6,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120060041	KHÊ VĂN HIỆP	14/04/2002	CCQ2006B				9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120060009	NGUYỄN THÁI HOÀNG	15/04/2002	CCQ2006A				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120060008	PHAN MẠNH HOÀNG	11/11/2001	CCQ2006A				5,0	6,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2118050164	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	29/08/2000	CCQ1805C				9,4	9,6	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060042	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	08/02/2001	CCQ2006B				8,3	7,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120060011	NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG	18/05/2002	CCQ2006A				8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2118060056	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	29/02/2000	CCQ1806B				7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120060013	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	15/11/1999	CCQ2006A				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120060014	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/12/2002	CCQ2006A				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2118060018	VÕ VĂN HUỖNH LONG	13/09/2000	CCQ1806A				9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120060044	LÊ SỸ LƯƠNG	04/01/2002	CCQ2006B				6,8	8,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120060057	LẠI KIM ANH	28/04/2002	CCQ2006B				8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119050016	NGÔ ĐÌNH NAM	20/10/2001	CCQ1905A				6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: 45

Số tờ giấy thi: 45

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120230001	TRẦN THANH NGÂN	22/06/2002	CCQ2006B			Ngân	70	70	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120060065	VÕ THỊ QUẾ	10/08/2002	CCQ2006A			Quế	75	80	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120060015	NGUYỄN THANH	26/10/2002	CCQ2006A			Thanh	80	80	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120060016	BÙI VĂN NGUYỄN	16/01/2002	CCQ2006A			Nguyễn	88	80	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120060058	LÊ THỊ THÚY	26/04/2002	CCQ2006B			Thúy	50	60	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120060045	TRƯƠNG VÕ HOÀNG	24/08/2002	CCQ2006B			Hoàng	70	70	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120060017	DIỆP BẢO QUỐC	12/10/2002	CCQ2006A			Quốc	50	50	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2118060029	ĐOÀN THẾ SƠN	27/04/2000	CCQ1806A				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2117050133	THIÊN LƯU SƠN	24/09/1999	CCQ1705B			Sơn	70	70	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120060049	VÕ VĂN SỸ	16/09/2002	CCQ2006B			Sỹ	50	50	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120060019	NGUYỄN ĐỨC	29/03/2002	CCQ2006A			Đức	83	80	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120170132	VÕ VĂN TÂM	22/03/2002	CCQ2006B			Tâm	73	80	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120060020	DƯƠNG QUANG MINH	06/03/2001	CCQ2006A				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120060022	CAO QUỐC THẮNG	14/05/2002	CCQ2006A			Thắng	70	70	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120060051	LÊ BẢO THẮNG	03/07/2002	CCQ2006B				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120060067	MAI THỊ THÊM	16/02/2002	CCQ2006A			Thêm	60	60	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120060023	PHẠM ĐỨC THỐNG	18/10/2002	CCQ2006A			Thống	68	60	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120060053	PHẠM HẠ VÂN	17/05/2001	CCQ2006B			Vân	70	70	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2117050216	NGUYỄN MINH THƯ	09/11/1999	CCQ1705C			Thư	50	50	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120060026	LÊ TRỌNG TÍN	07/07/2002	CCQ2006A				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120060030	VÕ MINH TRÍ	15/09/2002	CCQ2006A				0	0	0	(V) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	2119050031	HUỖNH NHẬT TRƯỜNG	20/10/2001	CCQ1905A				7,3	6,0	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	2120060031	ĐIỀU VĂN TRƯỜNG	25/09/2002	CCQ2006A				0	0	0	(V) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	2120060034	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	12/04/2002	CCQ2006A				0	0	0	(V) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	2120060035	NGUYỄN TIỂU YẾN	09/08/2002	CCQ2006A				7,8	9,0	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 41

Số bài thi: 41

Số tờ giấy thi: 41

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050070	PHAN KIM TUẤN ANH	07/04/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	60	60	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119050072	PHẠM QUỐC BẢO	20/09/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	95	70	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119050071	TRẦN GIA BẢO	01/01/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	70	70	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119050106	TRẦN GIA BẢO	17/09/2001	CCQ1905D			<i>[Signature]</i>	50	50	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119050073	NGUYỄN DUY CƯỜNG	12/10/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	88	80	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119050109	LÊ KHẮC HẢI	07/04/2001	CCQ1905D			<i>[Signature]</i>	90	90	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119050110	NGUYỄN THANH HẢI	16/05/2000	CCQ1905D			<i>[Signature]</i>	75	80	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119050111	TRẦN VĂN HẢI	02/08/2001	CCQ1905D			<i>[Signature]</i>	80	80	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119050113	NGUYỄN HỒ NGỌC HÂN	26/10/2001	CCQ1905D			<i>[Signature]</i>	65	70	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2118230002	VÕ VĂN HẬU	12/12/2000	CCQ1823A			<i>[Signature]</i>	58	70	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119050078	NGUYỄN QUANG HIẾU	25/10/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	90	90	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2119050080	NGUYỄN TẤN HOÀNG	01/10/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	48	60	55	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119050081	PHAN NGỌC HUY	05/12/1998	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	78	90	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119050082	VÕ VĂN HUY	15/09/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	80	90	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119050116	PHÙNG KHẮC KHÔI	10/02/2001	CCQ1905D			<i>[Signature]</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119050085	TRẦN VĂN NGỌC LONG	11/08/2000	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	50	80	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119050086	NGUYỄN THÀNH LUẬN	20/02/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119050087	NGUYỄN VĂN LỰC	03/08/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	90	90	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119050119	TRẦN PHƯƠNG NAM	25/08/1998	CCQ1905D			<i>[Signature]</i>	45	70	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119050121	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	31/05/2001	CCQ1905D			<i>[Signature]</i>	73	80	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 41

Số bài thi: 41

Số tờ giấy thi: 41

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050122	PHAN THANH NHÀN	10/08/2000	CCQ1905D			<i>Nhàn</i>	68	80	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2119050123	LÂM HÀ PHI	31/03/2001	CCQ1905D			<i>Phi</i>	58	70	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2119050124	NGUYỄN THANH PHI	17/08/2001	CCQ1905D			<i>Phi</i>	50	50	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2119050126	ĐÀM VĂN PHONG	26/11/1999	CCQ1905D			<i>Phong</i>	80	80	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2119050092	HUỲNH HỮU PHƯỚC	14/04/2001	CCQ1905C			<i>Phước</i>	73	90	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2119050091	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	19/10/2001	CCQ1905C			<i>Phu</i>	83	90	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2119050093	KIỀU NGỌC QUANG	13/07/2001	CCQ1905C			<i>Quo</i>	88	88	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2119050127	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	17/04/2001	CCQ1905D				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2119050094	HUỲNH VĂN QUYẾT	10/11/1998	CCQ1905C			<i>Quy</i>	60	60	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2119050129	TẶNG XUÂN QUỲNH	25/03/2001	CCQ1905D			<i>Quynh</i>	93	10	97	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2119050131	TRẦN NGỌC SINH	15/09/2001	CCQ1905D			<i>Sinh</i>	60	60	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2119050096	NGUYỄN NHÂN TÀI	14/10/2001	CCQ1905C			<i>Tai</i>	95	80	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2119050097	NGUYỄN TẤN TÀI	09/12/2001	CCQ1905C			<i>Tai</i>	63	70	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2119050132	TRỊNH QUỐC THẮNG	28/02/2001	CCQ1905D			<i>Thang</i>	80	80	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2119050133	TRƯƠNG THANH THÍNH	10/01/1998	CCQ1905D				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2119050099	BÁO VĂN LỘC THỌ	04/01/2001	CCQ1905C			<i>Tho</i>	80	90	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2119050100	NGUYỄN MINH TIẾN	27/06/2001	CCQ1905C			<i>Tien</i>	58	70	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2119050101	ĐẶNG TRUNG TÍN	21/12/1998	CCQ1905C			<i>Tin</i>	50	50	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2119050102	SƯ MINH TỐT	22/09/1999	CCQ1905C			<i>Tot</i>	60	60	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2119050103	LÊ QUỐC TỰ	27/09/2001	CCQ1905C			<i>Tu</i>	88	90	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 41

Số bài thi: 41

Số tờ giấy thi: 4

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>[Signature]</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2119050104	LƯU TRƯỜNG TY	21/05/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	8,3	90	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 39.....
Số bài thi: 39.....
Số tờ giấy thi: 39.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119060001	TẠ LÊ PHÚC AN	29/03/2001	CCQ1906A				80	88	85		
2	2119060002	ĐỖ TUẤN HOÀNG ANH	10/01/1997	CCQ1906A				70	78	75		
3	2119060036	TRẦN NGỌC ẮN	10/12/2001	CCQ1906B				50	50	50		
4	2119060037	NGUYỄN PHẠM HỮU BẰNG	18/09/2001	CCQ1906B				80	89	85		
5	2119060038	NGUYỄN VĂN CANG	06/09/2000	CCQ1906B				80	86	84		
6	2117050079	NGUYỄN VĂN CẢNH	15/10/1998	CCQ1705B				0	0	0		
7	2119060004	THÁI QUỐC CƯỜNG	30/11/2001	CCQ1906A				90	98	95		
8	2119060041	PHẠM NGỌC DANH	05/12/2001	CCQ1906B				80	78	79		
9	2119060042	NGUYỄN TẤN DUY	09/03/2001	CCQ1906B				90	96	94		
10	2119060007	TRẦN BÌNH DƯƠNG	01/02/2001	CCQ1906A				70	80	76		
11	2118230002	VÕ VĂN HẬU	12/12/2000	CCQ1823A				50	50	50		
12	2119050041	NGÔ MINH HIẾU	02/08/2000	CCQ1905B				0	0	0		
13	2119060009	PHAN DUY HIẾU	30/08/2001	CCQ1906A				80	83	82		
14	2118050157	TRẦN VŨ MINH HIẾU	07/11/1999	CCQ1805C				0	0	0		
15	2119060011	TRẦN VĂN HOÀNG	29/03/2000	CCQ1906A				90	83	86		
16	2119060047	HUỖNH MINH KHIÊM	31/05/2001	CCQ1906B				80	83	81		
17	2119060014	NGUYỄN NGỌC KHÔI	26/06/2001	CCQ1906A				10	10	10		
18	2119060015	THÁI THANH LIÊM	10/03/1999	CCQ1906A				0	0	0		
19	2119060019	NGUYỄN ĐÌNH NHẤT	02/02/1999	CCQ1906A				90	90	90		
20	2119060052	ĐÀM QUANG NINH	12/09/2001	CCQ1906B				80	86	84		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 39.....

Số bài thi: 29.....

Số tờ giấy thi: 39.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2117050133	THIÊN LƯU SƠN	24/09/1999	CCQ1705B				0	0	0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2119060025	NGUYỄN CHÍ TÀI	10/11/1998	CCQ1906A				9,0	9,0	9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2119060055	NGUYỄN THÀNH TÀI	08/03/2001	CCQ1906B				9,0	9,0	9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2119060056	NGUYỄN QUANG TÂM	11/04/2000	CCQ1906B				8,0	8,3	8,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2119050056	TRẦN VĂN TÂN	22/10/2001	CCQ1905B				0	0	0	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2119060057	PHẠM LÊ THẢO	05/01/2001	CCQ1906B				8,0	7,8	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
27	2119060058	CAO HỮU THẮNG	15/09/2001	CCQ1906B				9,0	8,7	8,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
28	2119060029	NGUYỄN HỒNG THẬT	10/01/1998	CCQ1906A				7,0	7,0	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2119060061	NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY	16/04/2001	CCQ1906B				8,0	8,7	8,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2117050216	NGUYỄN MINH THƯ	09/11/1999	CCQ1705C				0	0	0	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2119060062	BÙI DUY THƯƠNG	09/10/2001	CCQ1906B				0	0	0	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2119060063	NGUYỄN TRUNG TÍN	04/01/2001	CCQ1906B				9,0	9,0	9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2120060027	NGUYỄN QUỐC TOÀN	25/01/2002	CCQ2006A				8,0	8,9	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2119060032	LÊ QUỐC TRIỆU	10/06/2001	CCQ1906A				9,0	8,5	8,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2119060064	NGUYỄN HOÀNG NHỰT TRƯỜNG	08/03/2001	CCQ1906B				8,0	8,3	8,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2118060085	NGÔ QUANG VINH	24/09/2000	CCQ1806B				9,0	9,5	9,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2119060034	BÙI LONG VƯƠNG	23/04/2001	CCQ1906A				8,0	8,5	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2119060068	NGUYỄN DUY VƯƠNG	10/07/2001	CCQ1906B				9,0	8,8	8,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
39	2119060035	PHAN PHƯỚC VƯƠNG	28/02/2001	CCQ1906A				9,0	8,9	8,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 42.....

Số bài thi: 42.....

Số tờ giấy thi: 42.....

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119060001	TẠ LÊ PHÚC AN	29/03/2001	CCQ1906A				8,0	8,8	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119060002	ĐỖ TUẤN HOÀNG ANH	10/01/1997	CCQ1906A				7,0	7,8	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120060056	NGUYỄN TRỌNG ÂN	20/12/2002	CCQ2006B				9,0	8,5	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119060036	TRẦN NGỌC ẮN	10/12/2001	CCQ1906B				5,0	5,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119060037	NGUYỄN PHẠM HỮU BẮNG	18/09/2001	CCQ1906B				8,0	8,9	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119060038	NGUYỄN VĂN CANG	06/09/2000	CCQ1906B				8,0	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119060004	THÁI QUỐC CƯỜNG	30/11/2001	CCQ1906A				9,0	9,5	9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119060041	PHẠM NGỌC DANH	05/12/2001	CCQ1906B				8,0	7,8	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119060042	NGUYỄN TẤN DUY	09/03/2001	CCQ1906B				9,0	9,6	9,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119060007	TRẦN BÌNH DƯƠNG	01/02/2001	CCQ1906A				7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2118050149	LƯỢNG PHÚ ĐẠT	30/06/2000	CCQ1805C				9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2118050154	NGUYỄN CHÍ HIẾU	24/06/2000	CCQ1805C				9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119060009	PHAN DUY HIẾU	30/08/2001	CCQ1906A				8,0	8,3	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2118050157	TRẦN VŨ MINH HIẾU	07/11/1999	CCQ1805C				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119060011	TRẦN VĂN HOÀNG	29/03/2000	CCQ1906A				9,0	8,3	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119060013	LÊ QUANG KHÀI	16/03/1999	CCQ1906A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120060012	LÊ QUANG KHANG	10/07/2002	CCQ2006A				8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119060047	HUỖNH MINH KHIÊM	31/05/2001	CCQ1906B				8,0	8,3	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119060014	NGUYỄN NGỌC KHÔI	26/06/2001	CCQ1906A				10	10	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119050141	HUỖNH VĂN KIẾT	29/06/2001	CCQ1905D				5,0	5,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

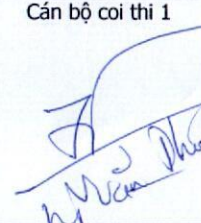
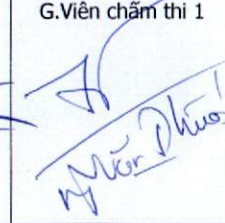
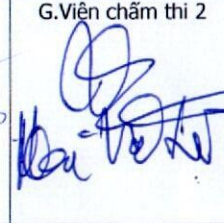
Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 42.....

Số bài thi: 42.....

Số tờ giấy thi: 42.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119060015	THÁI THANH LIÊM	10/03/1999	CCQ1906A				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2119060019	NGUYỄN ĐÌNH NHẤT	02/02/1999	CCQ1906A				9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2119060052	ĐÀM QUANG NINH	12/09/2001	CCQ1906B				8,0	8,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2119060025	NGUYỄN CHÍ TÀI	10/11/1998	CCQ1906A				9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2119060055	NGUYỄN THÀNH TÀI	08/03/2001	CCQ1906B				9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2119060056	NGUYỄN QUANG TÂM	11/04/2000	CCQ1906B				8,0	8,3	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2119060057	PHẠM LÊ THẢO	05/01/2001	CCQ1906B				8,0	7,8	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2119060058	CAO HỮU THẮNG	15/09/2001	CCQ1906B				9,0	8,7	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2119060029	NGUYỄN HỒNG THẬT	10/01/1998	CCQ1906A				7,0	4,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2119050135	NGUYỄN MINH THUẬN	20/11/2001	CCQ1905D			Thuận	8,0	8,3	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2119060061	NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY	16/04/2001	CCQ1906B				8,0	8,7	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2119060062	BÙI DUY THƯƠNG	09/10/2001	CCQ1906B				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2119060063	NGUYỄN TRUNG TÍN	04/01/2001	CCQ1906B				6,0	6,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120060027	NGUYỄN QUỐC TOÀN	25/01/2002	CCQ2006A				8,0	8,9	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2119060032	LÊ QUỐC TRIỆU	10/06/2001	CCQ1906A				9,0	8,5	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2118060081	PHẠM NGỌC TRUNG	27/05/2000	CCQ1806B			Trung	6,0	6,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2119050137	HUỖNH NHẬT TRƯỜNG	16/08/2000	CCQ1905D			Trường	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2119060064	NGUYỄN HOÀNG NHỰT	08/03/2001	CCQ1906B				8,0	8,3	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2118060085	NGÔ QUANG VINH	24/09/2000	CCQ1806B				9,0	9,5	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2119060034	BÙI LONG VƯƠNG	23/04/2001	CCQ1906A				8,0	8,5	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 04

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 42.....

Số bài thi: 42.....

Số tờ giấy thi: 42.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
Nguyễn Văn Phước	Nguyễn Văn Phước	Nguyễn Văn Phước	Nguyễn Văn Phước

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2119060068	NGUYỄN DUY VƯƠNG	10/07/2001	CCQ1906B				90	88	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2119060035	PHAN PHƯỚC VƯƠNG	28/02/2001	CCQ1906A				90	89	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9